

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Hoàng

Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hải – Kiểm Sát Viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2016/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2016 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2017/QĐST-DS ngày 27/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nghiêm Đình C, sinh năm 1942 (có mặt)

Thường trú: 861 (số cũ 855/D3) đường Đ, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: C3/29/T1 ấp 4, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1947 (vắng mặt)

Thường trú: 861 (số cũ 855/D3) đường Đ, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2016, Tờ tự khai ngày 14/11/2016 và 25/5/2017, Biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 14/11/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Nghiêm Đình C trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị M tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân quận Đ, Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1079, quyển số 21 ngày 12/10/1971. Giấy chứng nhận kết hôn bản chính do bà M giữ nhưng bà M không đưa cho ông và cũng không xuất trình cho Tòa án. Ông và bà M có với nhau hai người con chung là chị Nghiêm Thị Thúy H, sinh năm 1972 và anh Nghiêm Đình S, sinh năm 1974. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2003 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã, gây mất đoàn kết gia đình. Bà M không yêu thương, chăm sóc và phụng dưỡng mẹ chồng khi mẹ chồng bệnh, khi ông thuê người đến chăm sóc mẹ thì bà M ghen tuông vô cớ, chửi bới gây mất trật tự khu dân cư. Ông và bà M không thể sống hòa hợp với nhau được, tình trạng mâu thuẫn ngày một trầm trọng. Ông và bà M đã ly thân 13 năm nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên nay ông yêu cầu giải quyết ly hôn với bà M để ổn định cuộc sống.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Người con chung tên Nghiêm Thị Thúy H (nữ), sinh năm 1972 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Người con chung tên Nghiêm Đình S (nam), sinh năm 1974 đã trưởng thành nhưng bệnh tâm thần, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Ông yêu cầu giao người con chung tên Nghiêm Đình S cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì từ trước đến nay anh S vẫn sống cùng bà M. Ông đồng ý cấp dưỡng cho anh Nghiêm Đình S mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu đồng) vào ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ khi có bản án có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng sẽ do các bên tự thực hiện hoặc tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Ông và bà M có tạo tập tài sản chung. Theo đơn khởi kiện, ông có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nhưng ngày 14/11/2016 ông đã rút lại yêu cầu tranh chấp tài sản chung.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho bà Hoàng Thị M các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án số 449/TB-TLVA ngày 12/10/2016, Giấy triệu tập số 408-2/GTT-TA ngày 12/10/2016, Giấy triệu tập số 408-2/GTT-TA ngày 15/11/2016, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 408/TB-TA ngày 19/6/2017 kèm Giấy triệu tập số 408-2/GTT-TA ngày 19/6/2017, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 408/TB-TA ngày 07/7/2017 kèm Giấy triệu tập số 408-2/GTT-TA ngày 07/7/2017 theo quy định tại Điều 177, Điều 179, Điều 196 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà M chỉ đến Tòa án làm việc 1 lần vào ngày 07/7/2017 nhưng không đồng ý xuất trình giấy tờ tùy thân và không đồng ý ký tên vào bất cứ tài liệu, biên bản nào do Tòa án lập. Tại buổi làm việc ngày 07/7/2017, bà M trình bày không đồng ý ly hôn với ông C vì bản thân bà đang bị bệnh xơ gan, người con Nghiêm Đình S bị bệnh tâm thần, người con Nghiêm Thị Thúy H bị bệnh ung thư và tâm thần. Sau lần làm việc ngày 07/7/2017, bà M không đến Tòa án theo các văn bản triệu tập của Tòa án các ngày 04/8/2017, 25/8/2017 mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản nêu trên.

Tại phiên tòa: Ông Nghiêm Đình C vẫn giữ nguyên quan điểm như trên và bổ sung: Bà M không đồng ý ly hôn với ông không phải vì tình cảm vợ chồng vẫn còn mà là vì những lý do cá nhân, muốn gây khó dễ cho ông. Người con gái của ông và bà M tên Nghiêm Thị Thúy H - sinh năm 1972 có sức khỏe và tinh thần bình thường, có chồng con và có việc làm, không mắc bệnh tâm thần như bà M trình bày tại Tòa án trước đây. Đối với người con tên Nghiêm Đình S, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hướng dẫn ông làm thủ tục tuyên bố một người là mất năng lực hành vi dân sự đối với người con Nghiêm Đình S, ông đã thực hiện nhưng không được do bà M đang chăm sóc con nhưng lại không hợp tác, không đưa con đến cơ sở giám định để thực hiện việc khám bệnh theo đúng quy trình nên ngày 04/4/2017 ông C đã rút đơn khởi kiện tuyên bố Nghiêm Đình S mất năng lực hành vi dân sự, Tòa án đã đình chỉ giải quyết đối với vụ việc trên.

Phiên tòa xét xử vào ngày 27/12/2017, bà Hoàng Thị M vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2017 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa số 408/GTT-TA ngày 30/11/2017. Phiên tòa ngày 22/01/2018, bà M tiếp tục vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2017 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa số 408/GTT-TA ngày 27/12/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đương sự đã chấp hành đúng qui định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của ông Nghiêm Đình C, ông C được ly hôn với bà Hoàng Thị M. Về con chung: Người con chung tên Nghiêm Đình S hiện không có khả năng lao động và không có tài sản tự nuôi sống bản thân, từ trước đến nay vẫn sống cùng với bà M nên cần giao anh S cho bà M trực tiếp chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho anh Nghiêm Đình S. Người con chung tên Nghiêm Thị Thúy H đã trưởng thành, Tòa án không xem xét. Về tài sản chung: Ông C và bà M có tạo lập tài sản chung nhưng ông C đã rút yêu cầu về việc giải quyết tài sản chung nên cần đình chỉ giải quyết phần này. Về nợ chung: Ông C khai không có nợ chung, bà M không có ý kiến về vấn đề này nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là ông Nghiêm Đình C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Hoàng Thị M nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Hoàng Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2017 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa số 408/GTT-TA ngày 30/11/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2017 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa số 408/GTT-TA ngày 27/12/2017 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nghiêm Đình C và bà Hoàng Thị M đã kết hôn và được Ủy ban nhân dân quận Đ, Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1079, quyển số 21 ngày 12/10/1971. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét quá trình chung sống của ông C và bà M cho thấy vợ chồng ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông C đã từng nộp đơn ra Tòa án yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đối với khoản tiền thuê nhà của căn nhà số 861 (số cũ

855/D3) đường Đ, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được Tòa án giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật số 2682/2005/HN-PT ngày 20/12/2005 chứng tỏ vợ chồng ông C bà M không có tiếng nói chung, không chia sẻ, giải quyết được các việc trong gia đình. Năm 2015, ông C có đơn xin ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nhưng đến ngày 22/02/2016 ông C đã rút đơn và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 56/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2016. Từ khi rút đơn đến nay, ông C vẫn không tiếp tục chung sống với bà M. Hiện nay, ông C sống tại địa chỉ C3/29/T1 ấp 4, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc ông C không chung sống cùng với bà M cho thấy ông không còn muốn hàn gắn, đoàn tụ với bà M. Mặt khác, theo trình bày của ông C thể hiện ông đã có những bất mãn đối với bà M trong cách sống thể hiện ở việc bà không chăm sóc, hiếu thuận với mẹ chồng, khi ông thuê người chăm sóc mẹ thì bà M lại ghen tuông, gây mâu thuẫn gia đình. Ngày 16/6/2017, Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y đã cung cấp xác minh cho Tòa án theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 114/2017/QĐ-CCTLCC ngày 29/5/2017 với nội dung: *“Mâu thuẫn giữa ông C và bà M đã phát sinh hơn 10 năm nay, lý do hai vợ chồng không đồng thuận ý kiến của nhau”*. Như vậy, có thể xác định ông C và bà M không thể hòa hợp được cách sống, bất đồng quan điểm nhiều vấn đề từ kinh tế gia đình đến vấn đề tình cảm nên ông bà đã ly thân hơn 10 năm nay. Từ các nhận định trên, cho thấy tình trạng hôn nhân của ông C và bà M đã có mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông C là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Ông Nghiêm Đình C và bà Hoàng Thị M có hai người con chung tên Nghiêm Thị Thúy H (nữ) sinh năm 1972 và Nghiêm Đình S (nam), sinh năm 1974. Đối với người con tên Nghiêm Thị Thúy H, ông C xác nhận là hoàn toàn bình thường, đã lập gia đình và có hai con chứ không bị tâm thần như bà M trình bày. Tòa án đã ra Thông báo số 408-3/TB-TA ngày 07/7/2018 yêu cầu bà M cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh người con này đang bệnh tâm thần như bà đã trình bày nhưng bà M không xuất trình theo yêu cầu của Tòa án. Người con còn lại tên Nghiêm Đình S thì ông C khai hiện đang bệnh tâm thần và được hưởng trợ cấp xã hội. Tuy nhiên, ông C chưa cung cấp được Quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự cho Tòa án vì bà M không hợp tác trong việc đưa con đi giám định. Xét người con tên Nghiêm Đình S đã trưởng thành nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, từ trước đến nay vẫn sống cùng bà M nên chấp nhận việc ông C yêu cầu giao người con chung tên Nghiêm Đình S cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông C đồng ý cấp dưỡng cho người con Nghiêm Đình S mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu đồng) vào ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng sẽ do ông C và bà M tự thực hiện hoặc giao tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4.3] Về tài sản chung:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2016, ông C có yêu cầu về việc chia tài sản chung là nhà đất số 861 (số cũ 855/D3) đường Đ, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 14/11/2016, ông C đã có đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với nhà đất nêu trên và không yêu cầu chia tài sản chung nào khác. Do vậy, cần đình chỉ đối với yêu cầu này. Bà M không có ý kiến, yêu cầu gì về việc giải quyết tài sản chung của bà và ông C trong vụ án này. Do vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết đối với tài sản chung của ông C và bà M. Ông C, bà M có quyền khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[4.4] Về nợ chung: Ông C khai không có nợ chung, bà M không có ý kiến về vấn đề này nên Tòa án không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông C rút đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và ông C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho ông C các khoản tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 267 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nghiêm Đình C:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nghiêm Đình C được ly hôn với bà Hoàng Thị M.

1.2. Về con chung: Người con chung tên Nghiêm Thị Thúy H (nữ), sinh năm 1972 đã trưởng thành, Tòa án không xét. Giao cho bà Hoàng Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Nghiêm Đình S (nam), sinh năm 1974. Ông Nghiêm Đình C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai

triệu đồng) vào ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ khi bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng sẽ do ông C tự thực hiện với bà M hoặc tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Hoàng Thị M, nếu ông Nghiêm Đình C không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì ông C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung đối với nhà đất số 861 (số cũ 855/D3) đường Đ, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh do ông C rút đơn yêu cầu và không xem xét, giải quyết đối với các tài sản chung khác của ông C và bà M do các đương sự không có yêu cầu.

1.4. Về nợ chung: Ông C khai không có nợ chung, bà M không có yêu cầu nên Tòa án không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông C số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AB/2012/07672 và số tiền 57.750.000 đồng (năm mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AB/2012/07671 cùng ngày 12/10/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nghiêm Đình C được quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Hoàng Thị M có quyền kháng cáo bản

án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận 5;
- Chi cục THA DS Quận 5;
- UBND quận Đống Đa, TP. Hà Nội (Giấy CNĐKKH số 1079, quyền số 21 ngày 12/10/1971)
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
*Đã ký***

Đỗ Thị Ngọc Bích